

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HS-ST
Ngày 14 - 11 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trình Văn Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Ngọc Anh.

Bà Nguyễn Thị Vẹn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Công - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 30/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Phước Hoài T, sinh năm 1985 tại M, tỉnh L; Nơi cư trú: Nhà số 227, ấp O, xã B, thị xã K, tỉnh L; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Phước H và bà Trần Thị B; Vợ tên Nguyễn Thị Y; Con có 3 người lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2010; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 29/5/2018, bị Công an thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác” số tiền 1.500.000 đồng (Quyết định số: 66/QĐ-XPVPHC), chấp hành xong ngày 13/6/2018; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/8/2019 đến nay có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Đỗ Thị N, sinh năm: 1968; Địa chỉ: Ấp 2, xã Vĩnh Bình, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An (vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Đinh Thị Mỹ D, sinh năm: 1981; Địa chỉ: Ấp Bàu Vuông, xã Thạnh Hưng, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An (vắng mặt).

Ông Lê Phước H, sinh năm: 1959; Địa chỉ: Ấp Ông Nhan Đông, xã Bình Hiệp, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản cáo trạng số 28/CT-VKSKT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An truy tố bị cáo Lê Phước Hoài T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Phước Hoài T diễn biến như sau:

Vào khoảng cuối tháng 7/2018, bà Đỗ Thị N, sinh năm: 1968, hộ khẩu thường trú: Ấp 2, xã V, huyện V, tỉnh L do cần tiền để kinh doanh nên được bà P (không rõ tên và địa chỉ cụ thể) ngụ Phường 2, thị xã K, tỉnh L giới thiệu gặp Lê Phước Hoài T, sinh năm: 1985, hộ khẩu thường trú: ấp O, xã B, thị xã K, tỉnh Long An. T nói dối với bà N là cộng tác viên của ngân hàng để làm thủ tục vay vốn cho bà N số tiền 200.000.000 đồng. T yêu cầu bà N cung cấp giấy chứng nhận kinh doanh (bản chính), giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu (pho to) để làm hồ sơ vay vốn và yêu cầu bà N trả chi phí 20.000.000 đồng (10%) sau khi bà N vay được tiền, bà N đồng ý. Sau khi nhận hồ sơ từ bà N, T không làm thủ tục vay vốn cho bà N mà yêu cầu bà N đưa tiền để làm hồ sơ vay nhanh, mỗi lần từ 5.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng. Sau đó T hứa với bà N làm thủ tục tăng tiền vay lên là 400.000.000 đồng. Các lần bà N đưa tiền cho T có bà Đinh Thị Mỹ D, sinh năm: 1981, ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh L là bạn của bà N chứng kiến và giao tiền cho T. Cụ thể như sau:

Lần thứ 1: khoảng vào ngày 01/8/2018, T nhận của bà N 05 triệu đồng tại quán cà phê núi đất thuộc khu phố 4, Phường 1, thị xã K, tỉnh L cùng với D đi chung.

Lần thứ 2: khoảng ngày 04/8/2018, T nhận của bà N số tiền 10 triệu đồng cùng với D tại quán cà phê núi đất.

Lần thứ 3: khoảng ngày 07/8/2018, T nhận của bà N số tiền 20 triệu đồng tại quán cà phê núi đất cùng với D.

Lần thứ 4: khoảng ngày 11/8/2018, T nhận tiền của bà N do D giao tiền 10 triệu đồng ngoài đường gần Bệnh viện đa khoa khu vực Đồng Tháp Mười thuộc khu phố 4, Phường 1, thị xã K, tỉnh L.

Lần thứ 5: khoảng ngày 17/8/2018, T nhận tiền từ D số tiền 10 triệu đồng gần khu vực bệnh viện đa khoa khu vực Đồng Tháp Mười.

Lần thứ 6: khoảng ngày 21/8/2018, T nhận số tiền 10 triệu đồng từ D gần khu vực bệnh viện đa khoa khu vực Đồng Tháp Mười.

Lần thứ 7: khoảng ngày 25/8/2018, T nhận số tiền 10 triệu đồng từ D gần khu vực bệnh viện đa khoa khu vực Đồng Tháp Mười.

Lần thứ 8: khoảng 01/9/2018, T nhận số tiền 15 triệu đồng từ Duyên gần khu vực bệnh viện đa khoa khu vực Đồng Tháp Mười.

Lần thứ 9: khoảng 06/9/2018, T nhận số tiền 10 triệu đồng từ D gần khu vực bệnh viện đa khoa khu vực Đồng Tháp Mười.

Lần thứ 10: khoảng 10/9/2018, T nhận số tiền 10 triệu đồng từ D gần khu vực bệnh viện đa khoa khu vực Đồng Tháp Mười.

Lần thứ 11: khoảng 15/9/2018, T nhận số tiền 10 triệu đồng từ D gần khu vực bệnh viện đa khoa khu vực Đồng Tháp Mười.

Lần thứ 12: khoảng ngày 20/9/2018, T nhận số tiền 10 triệu đồng cùng D gần khu vực bệnh viện đa khoa khu vực Đồng Tháp Mười.

Lần thứ 13: khoảng 25/9/2018, T nhận số tiền 10 triệu đồng từ D gần khu vực bệnh viện đa khoa khu vực Đồng Tháp Mười.

Lần thứ 14: khoảng 30/9/2018, T nhận số tiền 10 triệu đồng từ D gần khu vực bệnh viện đa khoa khu vực Đồng Tháp Mười.

Lần thứ 15: khoảng 05/10/2018, T nhận số tiền 25 triệu đồng từ D gần khu vực bệnh viện đa khoa khu vực Đồng Tháp Mười.

Lần thứ 16: khoảng 10/10/2018, T nhận số tiền 10 triệu đồng từ D gần khu vực bệnh viện đa khoa khu vực Đồng Tháp Mười.

Lần thứ 17: khoảng 15/10/2018 T nhận số tiền 10 triệu đồng từ D gần khu vực bệnh viện đa khoa khu vực Đồng Tháp Mười.

Lần thứ 18: khoảng 25/10/2018, T nhận số tiền 25 triệu đồng từ D gần khu vực bệnh viện đa khoa khu vực Đồng Tháp Mười.

Đến tháng 10/2018, T đã nhận tiền của bà N tổng cộng 18 lần với tổng số tiền là 220.000.000 đồng nhưng không làm hồ sơ vay tiền cho bà N và né tránh không gặp bà N. Ngày 26/11/2018, bà N phát hiện T không phải là nhân viên ngân hàng nên yêu cầu T viết giấy mượn nợ và thỏa thuận trả lại tiền cho bà N. T trả được 28.000.000 đồng và sau đó không trả mà né tránh bà N. Đến ngày 20/7/2019, bà N làm đơn tố cáo T đến cơ quan Công an.

Tang vật không thu giữ được: 01 giấy chứng minh nhân dân (pho to), sổ hộ khẩu (pho to), 01 giấy phép kinh doanh (bản chính) đã bị Lê Phước Hoài T đốt cháy.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê Phước Hoài T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa qua phần thẩm tra các chứng cứ Kiểm sát viên phát biểu quan điểm kết luận về vụ án và đề nghị xử lý vụ án như sau:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Phước Hoài T đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt: Áp dụng theo điểm a khoản 3 Điều 174, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Phước Hoài T từ 5 đến 6 năm tù.

Về vật chứng: Không thu hồi được nên không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Đỗ Thị N yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền chiếm đoạt là 220.000.000 đồng, đến hiện nay bị cáo T cùng gia đình đã bồi thường 06 lần tổng cộng được 43.000.000 đồng, còn lại 177.000.000 đồng buộc bị cáo T phải tiếp tục bồi thường cho bà N là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 thì hành vi của bị cáo T có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Nhưng xét thấy bị cáo T không làm nghề hoặc công việc quan trọng, hoàn cảnh gia đình khó khăn có địa phương xác nhận nên đề nghị miễn phạt bổ sung cho bị cáo.

Về lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Phước H bị cáo là con ruột của ông, việc làm của bị cáo ông không biết đến khi bà N đến đòi tiền ông mới biết. Khi ông biết ông có vay mượn 28.500.000 đồng trả cho bà N

và thỏa thuận với bà N giao đất trừ nợ bà N đồng ý, nhưng sau đó bà N thay đổi không đồng ý nhận đất mà đòi trả tiền. Vì hoàn cảnh khó khăn nên không có tiền trả cho bà N nên bà N tố cáo con ông là Lê Phước Hoài T. Tại phiên tòa ông không yêu cầu bị cáo T hoàn trả lại tiền cho ông, mà xin giảm nhẹ hình phạt cho con ông là Lê Phước Hoài T.

Về lời trình bày của bị hại Đỗ Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đinh Thị Mỹ D không có mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Lê Phước Hoài T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã nêu. Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nên Viện kiểm sát truy tố bị cáo để xét xử về tội “Lừa Đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội không oan. Lời khai nhận tội của bị cáo T tại phiên tòa hôm nay, được đối chiếu với đơn tố cáo và lời khai của người bị hại, những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Bị cáo Lê Phước Hoài T sống nghề làm công nhân do biết bà Đỗ Thị N có nhu cầu vay vốn, nên bị cáo Lê Phước Hoài T đã dùng thủ đoạn gian dối tự xưng là cộng tác viên ngân hàng nhận làm hồ sơ cho bà Đỗ Thị N vay 400.000.000 đồng. Bị cáo yêu cầu bà N đưa tiền cho bị cáo để làm hồ sơ vay nhanh, mỗi lần từ 5.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng, bà N tin T là thật nên đã đưa tiền cho bị cáo tính từ ngày 01/8/2018 đến ngày 25/10/2018 bị cáo nhận tiền và đã chiếm đoạt trót lọt của bà N 18 lần tổng cộng là 220.000.000 đồng tiêu xài cá nhân.

[4] Bị cáo T thực hiện hành vi lừa đảo đối với bà N 18 lần nhận tiền và đã chiếm đoạt trót lọt của bà N tổng cộng là 220.000.000 đồng, nên bị cáo T phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội hai lần trở lên.

[5] Như vậy, đã có đầy đủ căn cứ pháp lý để kết luận rằng hành vi phạm tội của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An truy tố bị cáo T ra Tòa để xét xử theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[6] Hành vi phạm tội của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bà N mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương, gây xôn xao dư luận trong quần chúng nhân dân. Hành vi phạm tội của bị cáo T bị pháp luật nghiêm cấm. Do đó, cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội, đồng thời răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Bị cáo T có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội hai lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình

sự là bồi thường thiệt hại khắc phục một phần hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra bị cáo có cha được khen tặng nhiều kỷ niệm chương và bằng khen, có ông ngoại là liệt sĩ, gia đình có hoàn cảnh khó khăn được địa phương xác nhận. Đây là những tình tiết giảm nhẹ khác được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một hình phạt cho bị cáo Lê Phước Hoài T là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bà Đỗ Thị N yêu cầu bị cáo Lê Phước Hoài T bồi thường số tiền còn lại là 177.000.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu của bà N là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật và được bị cáo Lê Phước Hoài T đồng ý. Vì vậy, buộc bị cáo Lê Phước Hoài T phải bồi thường cho bà N số tiền 177.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 thì hành vi của bị cáo T có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Nhưng xét thấy bị cáo T không làm nghề hoặc công việc quan trọng, hoàn cảnh gia đình khó khăn có địa phương xác nhận nên miễn phạt bổ sung cho bị cáo là phù hợp.

[10] Từ những nhận xét nêu trên cũng như qua tranh luận tại phiên tòa. Xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ đúng pháp luật nên chấp nhận.

[11] Về án phí theo quy định của pháp luật buộc bị cáo T phải chịu tiền án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Phước Hoài T đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Phước Hoài T 05 (năm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời gian thi hành án phạt tù của bị cáo Lê Phước Hoài T được tính từ ngày 30/8/2019.

Căn cứ Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Phước Hoài T 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/11/2019) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Căn cứ Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự buộc bị cáo Lê Phước Hoài T phải bồi thường cho bà Đỗ Thị N số tiền 177.000.000 đồng (một trăm bảy mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Buộc bị cáo Lê Phước Hoài T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 8.850.000 đồng (tám triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Phước H, báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị hại bà Đỗ Thị N và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Đinh Thị Mỹ D được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thị xã, tỉnh;
- Cảnh sát điều tra Công an TXKT;
- Chi cục THADS thị xã;
- Bị cáo, bị hại, liên quan;
- Đội CSTHAHS và hỗ trợ tư pháp;
- Thi hành án phạt tù.
- Lưu hồ sơ.
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trình Văn Út

